

Số: 4809 /BKHD-T-KTNN

V/v hướng dẫn sử dụng vốn dự phòng
trung hạn 2016-2020 của Chương trình
xây dựng nông thôn mới

Hà Nội, ngày 22 tháng 3 năm 2019

Kính gửi: Ủy ban nhân tỉnh, Thành phố trực thuộc trung ương

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về phương án sử dụng vốn dự phòng 10% Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 tại Công văn số 1011/VPCP-KTTH ngày 01/02/2019 của Văn phòng Chính phủ; Căn cứ Nghị quyết Phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 2 năm 2019 số 16/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ; Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn sử dụng nguồn vốn dự phòng 10% của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 (gọi tắt là Chương trình), cụ thể như sau:

I. Nguyên tắc, tiêu chí sử dụng nguồn vốn dự phòng

1. Vốn dự phòng của Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 (giao tại Quyết định số 1291/QĐ-TTg ngày 29 tháng 8 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1178/QĐ-BKHĐT ngày 29/8/2017 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư) được sử dụng để thực hiện các dự án thuộc các Đề án được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt hoặc chỉ đạo phê duyệt (Chi tiết theo Phụ lục đính kèm).

2. Các địa phương lựa chọn các dự án phù hợp với mục tiêu, điều kiện cụ thể của địa phương; phù hợp mục tiêu, đối tượng, nội dung cũng như các quy định cụ thể của từng Đề án và quy định chung của Chương trình.

3. Phương án phân bổ phải đảm bảo các dự án được bố trí đủ vốn, hoàn thành dứt điểm trong giai đoạn 2019-2020 (chưa bao gồm thời gian được kéo dài để thực hiện và thanh toán theo quy định của pháp luật).

II. Quy trình thực hiện

1. Căn cứ tổng vốn dự phòng trung hạn giai đoạn 2016-2020 đã được giao tại Quyết định số 1178/QĐ-BKHĐT ngày 29/8/2017 và nguyên tắc, tiêu chí sử dụng tại Mục I nêu trên, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định phương án phân bổ nguồn vốn dự phòng (bao gồm nguồn vốn thực hiện các đề án, nhiệm vụ đã được giao năm 2019 tại Quyết định số 1629/QĐ-TTg ngày 23/11/2018 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 2106/QĐ-BKHĐT ngày 31/12/2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư), trong đó ưu tiên bố trí vốn để thực hiện Đề án hỗ trợ thôn, bản, ấp thuộc các xã đặc biệt khó khăn khu vực biên giới, vùng núi, vùng bãi ngang ven biển và hải đảo được phê duyệt tại Quyết định số 1385/QĐ-TTg ngày 21/10/2018 (đối với các địa phương thuộc phạm vi Đề án).

Đối với các dự án thuộc các Đề án hỗ trợ phát triển hợp tác xã nông nghiệp theo các Quyết định số 461/QĐ-TTg ngày 27/4/2018 và Quyết định số 2261/QĐ-TTg ngày 15/12/2014, đề nghị các địa phương thực hiện theo văn bản hướng dẫn số 2367/BKHĐT-HTX ngày 13/4/2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

2. Sau khi phương án phân bổ nguồn vốn dự phòng được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và PTNT để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

3. Thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn ngân sách trung ương

- Đối với các dự án đáp ứng 03 tiêu chí theo Điều 4 Nghị định 120/2018/NĐ-CP: Được áp dụng cơ chế đặc thù về thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn ngân sách Trung ương theo quy định Điều 3 tại Nghị định 161/2016/NĐ-CP.

- Đối với các dự án còn lại: Thực hiện theo Điều 21, Nghị định 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ. Trong đó, hồ sơ trình thẩm định cần làm rõ sự phù hợp của dự án đối với các quy định của Chương trình và các đề án cụ thể.

4. Quản lý, thực hiện dự án: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lựa chọn Chủ đầu tư đảm bảo đủ năng lực, phù hợp với tính chất, quy mô, đối tượng của các Đề án để quản lý, sử dụng hiệu quả nguồn vốn được bố trí; Chỉ đạo triển khai thực hiện các dự án theo đúng quy định.

5. Ủy ban nhân dân các tỉnh được phép không áp dụng quy định về thời hạn phê duyệt quyết định đầu tư đến ngày 31/10 của năm trước năm kế hoạch đối với các dự án khởi công mới bố trí vốn từ nguồn dự phòng 10% Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 như chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết số 16/NQ-CP ngày 07/3/2019 nêu trên.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo để Ủy ban nhân dân các tỉnh biết và thực hiện. /

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Bộ trưởng Nguyễn Chí Dũng (để b/c);
- Các Bộ: NN&PTNT; TC;
- Các Vụ: TH; TCTT;
- Sở KH&ĐT các tỉnh
- Lưu: VT, Vụ KTNN (Luong)



Phụ lục
DANH MỤC CÁC ĐỀ ÁN ĐƯỢC PHÉP SỬ DỤNG NGUỒN VỐN DỰ PHÒNG 10% CỦA CHƯƠNG TRÌNH
MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2016-2020
(Kèm theo công văn số 1809/BKHDT-KTNN ngày 22/3/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)



Đơn vị: triệu đồng

TT	ĐỊA PHƯƠNG	Vốn dự phòng của Chương trình (Theo QĐ 1291/QĐ-TTg của TTCP)		Trong đó				
		Tổng số	Trong đó Kế hoạch năm 2019 đã giao (QĐ số 1629/QĐ-TTg ngày 23/11/2018)	Đề án về mô hình bảo vệ môi trường (Quyết định số 712/QĐ-TTg ngày 26/5/2017)	Đề án về XDNTM trong quá trình đô thị hóa (Quyết định 676/QĐ-TTg ngày 18/5/2017)	Đề án tổng thể hỗ trợ thôn, bản, ấp thuộc các xã khó khăn (QĐ 1385/QĐ-TTg ngày 21/10/2018)	Hỗ trợ phát triển HTX (QĐ 2261/QĐ-TTg ngày 15/12/2014, Quyết định 461/QĐ-TTg)	Đề án đặc thù của địa phương
	TỔNG CỘNG	4.311.900	1.459.000					
I	MIỀN NÚI PHÍA BẮC							
1	Hà Giang	138.390	41.900			x	x	
2	Tuyên Quang	75.280	11.000				x	
3	Cao Bằng	146.120	46.400			x	x	
4	Lạng Sơn	142.950	61.500	x		x	x	

TT	ĐỊA PHƯƠNG	Vốn dự phòng của Chương trình (Theo QĐ 1291/QĐ-TTg của TTCP)		Trong đó				
		Tổng số	Trong đó Kế hoạch năm 2019 đã giao (QĐ số 1629/QĐ-TTg ngày 23/11/2018)	Đề án về mô hình bảo vệ môi trường (Quyết định số 712/QĐ-TTg ngày 26/5/2017)	Đề án về XDNTM trong quá trình đô thị hóa (Quyết định 676/QĐ-TTg ngày 18/5/2017)	Đề án tổng thể hỗ trợ thôn, bản, ấp thuộc các xã khó khăn (QĐ 1385/QĐ-TTg ngày 21/10/2018)	Hỗ trợ phát triển HTX (QĐ2261/QĐ-TTg ngày 15/12/2014, Quyết định 461/QĐ-TTg)	Đề án đặc thù của địa phương
5	Lào Cai	114.760	41.000		x	x	x	Đề án "Thí điểm phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng - an ninh, gắn với xây dựng nông thôn mới các xã biên giới Việt - Trung trên địa bàn tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2016-2020".
6	Yên Bái	94.710	15.100				x	
7	Thái Nguyên	83.310	19.000		x		x	
8	Bắc Kạn	73.070	23.700			x	x	Đề án "Xây dựng NTM các xã CT229, các xã còn tiềm ẩn nguy cơ mất an ninh trật tự, an toàn xã hội và các xã khó khăn đạt từ 05 tiêu chí nông thôn mới trở xuống trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2018-2020"
9	Phú Thọ	128.910	31.500		x		x	

TT	ĐỊA PHƯƠNG	Vốn dự phòng của Chương trình (Theo QĐ 1291/QĐ-TTg của TTCP)		Trong đó				
		Tổng số	Trong đó Kế hoạch năm 2019 đã giao (QĐ số 1629/QĐ-TTg ngày 23/11/2018)	Đề án về môi trường (Quyết định số 712/QĐ-TTg ngày 26/5/2017)	Đề án về XDNTM trong quá trình đô thị hóa (Quyết định 676/QĐ-TTg ngày 18/5/2017)	Đề án tổng thể hỗ trợ thôn, bản, ấp thuộc các xã khó khăn (QĐ 1385/QĐ-TTg ngày 21/10/2018)	Hỗ trợ phát triển HTX (QĐ2261/QĐ-TTg ngày 15/12/2014, Quyết định 461/QĐ-TTg)	Đề án đặc thù của địa phương
10	Bắc Giang	102.290	25.100	x	x		x	
11	Hoà Bình	117.436	29.200	x			x	
12	Sơn La	144.010	44.500			x	x	
13	Lai Châu	81.170	24.150			x	x	
14	Điện Biên	102.910	51.450			x	x	Đề án "Xây dựng nông thôn mới vùng đồng bào dân tộc thiểu số, khu vực biên giới tỉnh Điện Biên, nhằm phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh, quốc phòng giai đoạn 2016- 2020".
II	ĐB. SÔNG HỒNG						x	
15	Hải Dương	76.900	21.100		x		x	
16	Hưng Yên	50.350	18.000				x	

TT	ĐỊA PHƯƠNG	Vốn dự phòng của Chương trình (Theo QĐ 1291/QĐ-TTg của TTCP)		Trong đó				
		Tổng số	Trong đó Kế hoạch năm 2019 đã giao (QĐ số 1629/QĐ-TTg ngày 23/11/2018)	Đề án về môi trường (Quyết định số 712/QĐ-TTg ngày 26/5/2017)	Đề án về XDNTM trong quá trình đô thị hóa (Quyết định 676/QĐ-TTg ngày 18/5/2017)	Đề án tổng thể hỗ trợ thôn, bản, ấp thuộc các xã khó khăn (QĐ 1385/QĐ-TTg ngày 21/10/2018)	Hỗ trợ phát triển HTX (QĐ2261/QĐ-TTg ngày 15/12/2014, Quyết định 461/QĐ-TTg)	Đề án đặc thù của địa phương
17	Hà Nam	34.280	21.000		x		x	
18	Nam Định	72.230	12.700				x	
19	Ninh Bình	45.010	17.200		x	x	x	
20	Thái Bình	97.010	41.000				x	
III	BẮC TRUNG BỘ						x	
21	Thanh Hoá	297.640	86.000	x		x	x	

TT	ĐỊA PHƯƠNG	Vốn dự phòng của Chương trình (Theo QĐ 1291/QĐ-TTg của TTCP)		Trong đó				
		Tổng số	Trong đó Kế hoạch năm 2019 đã giao (QĐ số 1629/QĐ-TTg ngày 23/11/2018)	Đề án về mô hình bảo vệ môi trường (Quyết định số 712/QĐ-TTg ngày 26/5/2017)	Đề án về XDNTM trong quá trình đô thị hóa (Quyết định 676/QĐ-TTg ngày 18/5/2017)	Đề án tổng thể hỗ trợ thôn, bản, ấp thuộc các xã khó khăn (QĐ 1385/QĐ-TTg ngày 21/10/2018)	Hỗ trợ phát triển HTX (QĐ2261/QĐ-TTg ngày 15/12/2014, Quyết định 461/QĐ-TTg)	Đề án đặc thù của địa phương
22	Nghệ An	220.850	88.850	x		x	x	Đề án xây dựng nông thôn mới trên địa bàn 27 xã khu vực biên giới tỉnh Nghệ An, nhằm phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh - quốc phòng giai đoạn 2017-2020; Đề án thí điểm xây dựng huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An trở thành huyện nông thôn mới kiểu mẫu
23	Hà Tĩnh	131.580	38.200	x		x	x	
24	Quảng Bình	80.130	25.150			x	x	
25	Quảng Trị	65.240	25.000	x		x	x	
26	Thừa Thiên Huế	57.490	23.900	x		x	x	
IV	ĐH. NAM TRUNG BỘ							

TT	ĐỊA PHƯƠNG	Vốn dự phòng của Chương trình (Theo QĐ 1291/QĐ-TTg của TTCP)		Trong đó				
		Tổng số	Trong đó Kế hoạch năm 2019 đã giao (QĐ số 1629/QĐ-TTg ngày 23/11/2018)	Đề án về mô hình bảo vệ môi trường (Quyết định số 712/QĐ-TTg ngày 26/5/2017)	Đề án về XDNTM trong quá trình đô thị hóa (Quyết định 676/QĐ-TTg ngày 18/5/2017)	Đề án tổng thể hỗ trợ thôn, bản, ấp thuộc các xã khó khăn (QĐ 1385/QĐ-TTg ngày 21/10/2018)	Hỗ trợ phát triển HTX (QĐ2261/QĐ-TTg ngày 15/12/2014, Quyết định 461/QĐ-TTg)	Đề án đặc thù của địa phương
27	Quảng Nam	126.770	38.800	x	x	x	x	
28	Quảng Ngãi	104.240	42.700	x	x	x	x	
29	Bình Định	65.200	25.400	x	x	x	x	
30	Phú Yên	55.820	21.600			x	x	
31	Ninh Thuận	26.770	9.400		x	x	x	
32	Bình Thuận	39.290	19.600	x	x	x	x	
V TÂY NGUYÊN								
33	Đắk Lắk	80.020	27.000			x	x	
34	Đắk Nông	38.730	14.000			x	x	
35	Gia Lai	109.760	32.900	x	x	x	x	

TT	ĐỊA PHƯƠNG	Vốn dự phòng của Chương trình (Theo QĐ 1291/QĐ-TTg của TTCP)		Trong đó				
		Tổng số	Trong đó Kế hoạch năm 2019 đã giao (QĐ số 1629/QĐ-TTg ngày 23/11/2018)	Đề án về mô hình bảo vệ môi trường (Quyết định số 712/QĐ-TTg ngày 26/5/2017)	Đề án về XDNTM trong quá trình đô thị hóa (Quyết định 676/QĐ-TTg ngày 18/5/2017)	Đề án tổng thể hỗ trợ thôn, bản, ấp thuộc các xã khó khăn (QĐ 1385/QĐ-TTg ngày 21/10/2018)	Hỗ trợ phát triển HTX (QĐ 2261/QĐ-TTg ngày 15/12/2014, Quyết định 461/QĐ-TTg)	Đề án đặc thù của địa phương
36	Kon Tum	65.680	21.900			x	x	
37	Lâm Đồng	55.630	19.600	x	x		x	
VI ĐÔNG NAM BỘ								
38	Bình Phước	38.660	19.800	x		x	x	
39	Tây Ninh	36.840	12.700			x	x	
VII ĐB. SÔNG CỬU LONG								
40	Long An	76.124	28.800		x	x	x	
41	Tiền Giang	65.764	25.700			x	x	
42	Bến Tre	96.446	36.700		x	x	x	
43	Trà Vinh	58.298	26.800	x	x	x	x	

TT	ĐỊA PHƯƠNG	Vốn dự phòng của Chương trình (Theo QĐ 1291/QĐ-TTg của TTCP)		Trong đó				
		Tổng số	Trong đó Kế hoạch năm 2019 đã giao (QĐ số 1629/QĐ-TTg ngày 23/11/2018)	Đề án về mô hình bảo vệ môi trường (Quyết định số 712/QĐ-TTg ngày 26/5/2017)	Đề án về XDNTM trong quá trình đô thị hóa (Quyết định 676/QĐ-TTg ngày 18/5/2017)	Đề án tổng thể hỗ trợ thôn, bản, ấp thuộc các xã khó khăn (QĐ 1385/QĐ-TTg ngày 21/10/2018)	Hỗ trợ phát triển HTX (QĐ2261/QĐ-TTg ngày 15/12/2014, Quyết định 461/QĐ-TTg)	Đề án đặc thù của địa phương
44	Vĩnh Long	38.476	11.500				x	
45	Hậu Giang	33.352	10.000				x	
46	Sóc Trăng	54.444	20.900	x		x	x	
47	An Giang	63.102	28.800	x		x	x	
48	Đồng Tháp	74.127	21.200		x		x	
49	Kiên Giang	55.440	22.300	x		x	x	
50	Bạc Liêu	35.189	17.500	x		x	x	
51	Cà Mau	43.702	19.800	x		x	x	